

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN²

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG³

1. Tên Trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
- Tiếng Anh: Bac Ninh Teacher Training College

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Trường CĐSP Bắc Ninh, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Trường CĐSP Bắc Ninh (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trường: Số 12A, đường Bình Than, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
- Thông tin liên hệ: Điện thoại: **0222.3.822.723** - Số fax: **0222.3.827.270**
- E-mail: cdspsbacninh@bacninh.edu.vn Website: cdspsbacninh.edu.vn

3. Loại hình của Trường CĐSP Bắc Ninh, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp.

- Loại hình của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh: Công lập
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường CĐSP Bắc Ninh.

* *Sứ mạng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh* là “Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ cao đẳng và trình độ thấp hơn; thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao; tổ chức các hoạt động liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo; triển khai nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức các hoạt động dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật, góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương và đất nước”.

* *Tầm nhìn*: “Trong giai đoạn 2025-2030 trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có uy tín hàng đầu trong khu vực về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục và nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển công nghiệp của Tỉnh và đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học giáo dục, công nghệ phục vụ nhu cầu học tập đáp ứng yêu cầu của xã hội”.

* *Mục tiêu giáo dục của Nhà trường* là “Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ Tổ quốc và nhân dân, có năng lực kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng tự học, kỹ năng giao tiếp đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp, yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Liên kết đào tạo theo nhu cầu xã hội, hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phát triển Cơ sở Mầm non Hoa Phượng thành Trường Mầm non chất lượng cao phục vụ công tác rèn nghề trong đào tạo, đồng thời giáo dục trẻ mầm non phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

Xây dựng đội ngũ giảng viên/giáo viên đạt chuẩn theo quy định; gắn công tác nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại chuẩn bị các điều kiện để phát triển thành trường đại học đa ngành”.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường CĐSP Bắc Ninh

Trường CĐSP Bắc Ninh thành lập ngày 24 tháng 6 năm 1998 theo Quyết định số 109/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trải qua 26 năm xây dựng và phát triển, nối tiếp truyền thống của các trường SP trước đây, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh đã có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp giáo dục của Tỉnh Bắc Ninh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Tuyền.

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.

Địa chỉ trường: Số 12A, đường Bình Than, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

Số điện thoại: 0912778815.

Email: nguyenhuutuyen.cdspbacninh.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy

*** Lãnh đạo quản lý Trường Cao đẳng Sư phạm**

- Hiệu trưởng

- Phó Hiệu trưởng

*** Hội đồng trường**

- Chủ tịch Hội đồng trường

*** Đơn vị thuộc, trực thuộc Trường cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh: 8 đơn vị**

- Phòng Quản lý khoa học – Kế hoạch, Tài vụ

- Phòng Đào tạo

- Phòng Tổ chức – Thanh tra, Đảm bảo chất lượng

- Phòng Hành chính – Quản trị

- Khoa Mầm non

- Khoa Bộ môn chung

- Trung tâm Bồi dưỡng – Ngoại ngữ, Tin học

- Cơ sở thực hành

*** Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn khác**

*** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam**

*** Các đoàn thể và tổ chức xã hội:** Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu giáo chức.

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Trường CĐSP Bắc Ninh;

Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

- Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 13/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Hữu Tuyền giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.

- Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.

Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Chuân giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSP Bắc Ninh; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường CĐSP Bắc Ninh; sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường CĐSP Bắc Ninh;

* Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-CĐSPBN ngày 10/7/2024.

* Nhiệm vụ, quyền hạn, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Điều lệ trường cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT- BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và một số quy định cụ thể sau đây:

Nhiệm vụ và quyền hạn của trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển nhà trường theo định hướng của Tỉnh, phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục của Tỉnh và quy hoạch phát triển giáo dục đại học, cao đẳng của Nhà nước.

- Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục. Tổ chức quá trình đào tạo, bồi dưỡng theo mục tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Ninh cho phép: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Mầm non; bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên các trường học cho tỉnh Bắc Ninh, liên kết với các cơ sở đào tạo khác mở các lớp đào tạo theo quy định; từng bước mở rộng đào tạo đến trình độ cao đẳng các lĩnh vực khác khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; nghiên cứu khoa học giáo dục, ứng dụng và phát triển công nghệ, tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

- Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động (thực hiện theo phân cấp của Tỉnh).

- Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

- Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định. g. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài. Nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ, thực hiện các dự án, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ theo kế hoạch do cấp trên giao hoặc chủ động hợp tác, với các trường đại học, cao đẳng, các viện, các tổ chức quốc tế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Liên kết với các trường

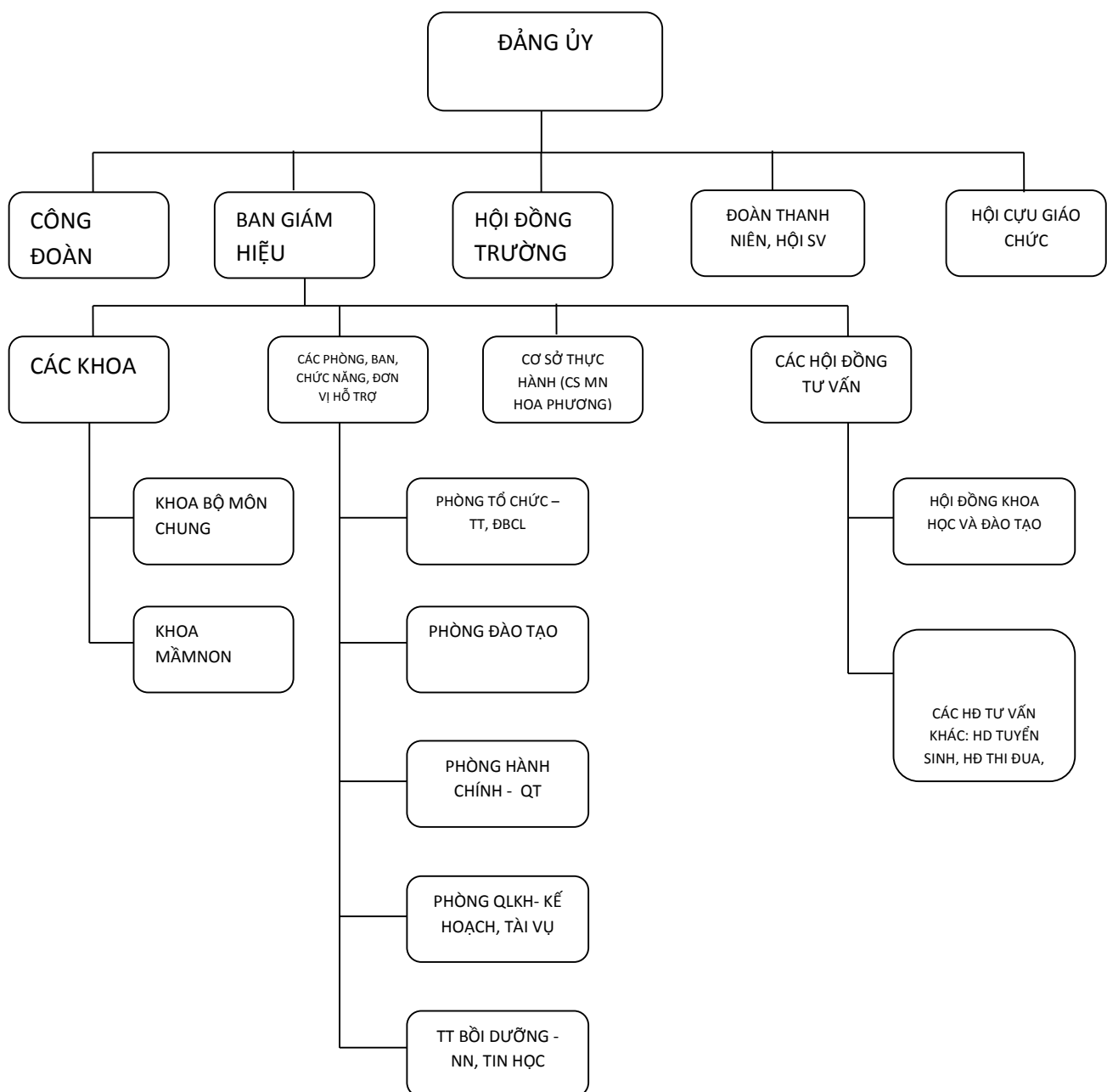
đại học có uy tín trong toàn quốc để có sự hỗ trợ về đội ngũ giảng viên, thỉnh giảng, nâng cao năng lực và kinh nghiệm cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý của trường trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng. Xuất bản tập san, các ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo Luật xuất bản và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Tỉnh.

- Công bố công khai mục tiêu, chương trình đào tạo; điều kiện để bảo đảm chất lượng dạy và học; mức học phí và miễn, giảm học phí; kết quả kiểm định 4 chất lượng đào tạo; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của Trường; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và UBND cấp tỉnh nơi Trường đặt trụ sở hoặc có tổ chức hoạt động đào tạo theo quy định.

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ bộ máy



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trường CĐSP Bắc Ninh và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Trường CĐSP Bắc Ninh (nếu có).

8. Các văn bản khác của Trường CĐSP Bắc Ninh: Chiến lược phát triển của Trường CĐSP Bắc Ninh; quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường CĐSP Bắc Ninh; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Trường CĐSP Bắc Ninh và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵ (tháng 5.2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶ (tháng 6.2025)
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	1251/74	825/80
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100%	100%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	3/74	6/80

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Giáo dục mầm non	74	4	67	3	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Giáo dục mầm non	74	4	67	3	0	0
	...						

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	1	1
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	26	27
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	27/74	28/80

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Diện tích đất/người học (m ²)	30,8 m ²	44,2 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	13,3 m ²	19,2 m ²
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	162	162
5	Số bản sách/người học	11	11
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	30/35	30/35
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	650Mbps	650Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	số 12A- đường Bình Than, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.	38 500	16 689
2	Cơ sở...	0	0	0
	...	0	0	0
Tổng cộng				

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định Trường CĐSP Bắc Ninh

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường cao đẳng, đại học Việt Nam.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: theo Điều 27, Quy định và quy trình kiểm định CLGD trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012.

- Mức độ đạt kiểm định: 53/55 tiêu chí đạt (chiếm tỉ lệ 96,36%). Quyết định số 152/QĐ-KĐCLGD ngày 03 tháng 11 năm 2025.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 03 tháng 11 năm 2025 đến ngày 03 tháng 11 năm 2030.

2. Danh mục chương trình đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Hình thức đào tạo	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Số 2089/QĐ-BGDĐT	02/5/2001	33/QĐ-BGDĐT	05/01/2011	Bộ GDĐT	2001
2	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	VLVH	5707/ĐH	08/7/2003			Bộ GDĐT	2003
3	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Liên thông từ TC	1196/QĐ-BGDĐT	09/3/2007			Bộ GDĐT	2007

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	99,9%	98%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	1245	793
3	Tỷ lệ thôi học	1,45%	5,33%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	2,03%	5,34%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	99%	99%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	100%	100%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	100%	100%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	95%	95%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	96,6%	88,75%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Cao đẳng				
1	Giáo dục Mầm Non				
	Chính quy	873	295	205	100%
	Vừa làm vừa học	378	150	56	100%
	Đào tạo từ xa	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	38/74	44/80
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên		0

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	64	Theo NSNN
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	64	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo (2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2025)
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	34	05
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	0	0
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	13
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	7,66%	9,43%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,61	0,33

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

ĐVT: 1.000đ

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	35.571.666	25.194.992
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	18.207.000	10.318.862
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	9.505.685	5.051.408
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	6.354.332	7.594.954
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		270.273
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	1.504.649	1.959.495
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	28.881.131	25.762.332
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	22.818.407	20.793.929
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	1.912.452	1.297.571
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo	1.660.116	1.113.933
2	Chi cho nghiên cứu		271.857
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	2.015.756	1.879.442
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	474.400	405.600
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	6.690.535	-567.340

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

1. Về công tác kế hoạch

- Thực hiện xây dựng kế hoạch tổng thể phù hợp với Chương trình công tác của Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT và tình hình thực tiễn của Nhà trường, địa phương.

2. Về công tác tổ chức cán bộ, phân công lao động và thi đua khen thưởng

- Thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, bố trí tăng cường nhân lực đảm bảo phân công lao động công bằng, phù hợp với vị trí việc làm theo Quyết định 260 của UBND Tỉnh và Đề án 04 của Sở GD&ĐT.

- Đổi mới công tác đánh giá viên chức và người lao động theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, liên quan.

- Đưa hoạt động xác định và tính định mức lao động của toàn trường theo tháng vào nền nếp; đánh giá thi đua cuối năm hiệu quả và sát thực tế. Chỉ đạo thường trực thi đua khen thưởng thống nhất quy định thực hiện trong toàn trường.

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; sắp xếp vị trí việc làm tại các đơn vị gắn với đánh giá hiệu quả công tác của Hiệu trưởng.

- Phát triển cơ sở thực hành gắn với công tác cán bộ và trách nhiệm người đứng đầu.

3. Về công tác tuyển sinh

Nhà trường đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền tuyển sinh bằng nhiều phương thức, hình thức khác nhau. Trường thực hiện kết hợp nhiều phương thức tuyển sinh (xét điểm thi THPT quốc gia, xét học bạ THPT), đồng thời đẩy mạnh đào tạo liên kết với các trường đại học. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường vẫn duy trì ở mức cao (cả năm 2024 và 2025 đều đạt 100% chỉ tiêu đặt ra), luôn nằm trong top đầu khối các trường CĐSP trên toàn quốc.

Chất lượng tuyển sinh đầu vào của Trường nâng lên rõ rệt sau từng năm: Năm 2024 (điểm đầu vào theo kết quả thi tốt nghiệp THPT là 24,0; điểm xét kết quả học bạ là 23.43), đến năm 2025 (điểm đầu vào theo kết quả thi tốt nghiệp THPT là 24.4; điểm xét kết quả học bạ là 25.5).

4. Về công tác đào tạo

4.1. Tổ chức tốt việc thực hiện chương trình đào tạo

Đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan đến kiểm định ngoài của Nhà trường. Thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 02/2020/TT BGDĐT ngày 05/02/2020.

Đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo hệ cao đẳng ngành GDMN năm học 2025 - 2026 đảm bảo tính cập nhật trong thực hiện chương trình đào tạo, đảm bảo theo đúng quy định.

Tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch đào tạo của các ngành, các hệ đào tạo đúng yêu cầu và đúng tiến độ. Cuối học kì đều có nghiệm thu chương trình các môn học của các ngành đào tạo. Các học phần đã có đầy đủ điểm thi, không có học phần nào bị chậm và không còn học phần nào chưa thực hiện. Tên các học phần đào tạo và số tín chỉ đúng với kế hoạch đào tạo ban hành.

Trường CĐSP Bắc Ninh luôn chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD) và học tập, gắn việc học lí thuyết trên lớp với thực hành học phần tại cơ sở thực hành, gắn đổi mới ở trường sư phạm với đổi mới ở các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN). Phong trào đổi mới PPGD, ứng dụng CNTT trong dạy học đã thu hút đông đảo giảng viên của Trường tham gia. Có hàng trăm lượt giảng viên tham gia giờ dạy đổi mới, thực hiện báo cáo chuyên đề đổi mới PPGD và làm đề tài khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong năm học 2024 -2025 và 2025-2026.

Sinh viên (SV) tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Sau một năm ra trường, phần lớn SV có việc làm theo đúng chuyên ngành được đào tạo. Nhà trường là địa chỉ uy tín về đào tạo sư phạm của Tỉnh và khu vực.

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

Khóa	Lớp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên được xếp loại		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB	
			SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %
K43	A	41	41	100	22	53.66	16	39.02	3	7.32		0.00
	B	41	41	100	21	51.22	17	41.46	2	4.88	1	2.44
	C	39	39	100	29	74.36	7	17.95	3	7.69		0.00
	D	45	45	100	26	57.78	18	40.00	1	2.22		0.00
	E	42	42	100	34	80.95	8	19.05		0.00		0.00
	G	38	38	100	25	65.79	13	34.21		0.00		0.00
	H	40	40	100	32	80.00	8	20.00		0.00		0.00
	Cộng K43	286	286	100.0	189	66.08	87	30.42	9	3.15	1	0.35
K44	A	41	41	100	27	65.85	11	26.83	2	4.88	1	2.44
	B	34	34	100	22	64.71	11	32.35		0.00	1	2.94
	C	40	40	100	16	40.00	23	57.50	1	2.50		0.00
	D	40	40	100	17	42.50	19	47.50	3	7.50	1	2.50
	E	39	39	100	29	74.36	9	23.08	1	2.56		0.00

	G	40	40	100	12	30.00	19	47.50	7	17.50	2	5.00
	H	42	42	100	39	92.86	3	7.14		0.00		0.00
	Cộng K44	276	276	100	162	58.70	95	34.42	14	5.07	5	1.81
K45	A	43	43	100	16	37.21	20	46.51	7	16.28		0.00
	B	41	41	100	15	36.59	25	60.98	1	2.44		0.00
	C	44	44	100	6	13.64	31	70.45	7	15.91		0.00
	D	42	42	100	11	26.19	18	42.86	12	28.57	1	2.38
	E	42	42	100	20	47.62	18	42.86	4	9.52		0.00
	G	40	40	100	13	32.50	17	42.50	9	22.50	1	2.50
	H	41	41	100	21	51.22	17	41.46	3	7.32	0	0.00
	Cộng K45	293	293	100	102	34.81	146	49.83	43	14.68	2	0.68

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 - 2026**

Khóa	Lớp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên được xếp loại		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB	
			SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %
K43	A	41	41	100	39	95.12	2	4.88		0.00		0.00
	B	41	41	100	40	97.56		0.00		0.00	1	2.44
	C	39	39	100	39	100.00		0.00		0.00		0.00
	D	45	45	100	44	97.78	1	2.22		0.00		0.00
	E	42	42	100	41	97.62	1	2.38		0.00		0.00

	G	38	38	100	35	92.11	3	7.89		0.00		0.00
	H	40	40	100	40	100.00		0.00		0.00		0.00
	Cộng K43	286	286	100.0	278	97.20	7	2.45	0	0.00	1	0.35
K44	A	41	41	100	30	73.17	11	26.83		0.00		0.00
	B	35	35	100	27	77.14	8	22.86		0.00		0.00
	C	40	39	97.5	31	77.50	8	20.51		0.00		0.00
	D	40	40	100	26	65.00	12	30.00	2	5.00		0.00
	E	39	39	100	33	84.62	5	12.82	1	2.56		0.00
	G	37	37	100	22	59.46	14	37.84	1	2.70		0.00
	H	42	42	100	42	100.00		0.00		0.00		0.00
	Cộng K44	274	273	99.63	211	77.01	58	21.25	4	1.47	0	0.00
K45	A	43	43									
	B	41	41									
	C	44	44									
	D	42	42									
	E	42	42									
	G	40	40									
	H	41	41									
	Cộng K45	293	293	100	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025 - 2026**

Khó a	Lớp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên được xếp loại		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %
			SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %	S L	Tỉ số %

K13	A	45	45	100	13	28.89	29	64.44	3	6.67		0.00				
	B	38	38	100	18	47.37	19	50.00	1	2.63		0.00				
	Cộng K13	83	83	100.00	31	37.35	48	57.83	4	4.82	0	0.00	0	0	0	0
K14	A	42	41	97.61	31	73.81	10	24.39		0.00		0.00				
	B	43	43	100	18	41.86	20	46.51	5	11.63		0.00				
	C	37	36	97.29	26	70.27	10	27.78		0.00		0.00				
	LT	19	19	100	7	36.84	10	52.63	1	5.26	1	5.26				
	Cộng K14	141	139	98.58	82	58.16	50	35.97	6	4.32	1	0.72				
K15	A	45	45	100	15	33.33	22	48.89	7	15.56	1	2.22				
	B	48	45	93.75	4	8.89	28	62.22	12	26.67		0.00	1	2.22		
	C	40	39	97.5	12	30.77	22	56.41	5	12.82		0.00				
	LT	17	16	94.11		0.00	4	25.00	12	75.00		0.00				
	Cộng K15	150	145	96.66	31	20.67	76	52.41	36	24.83	1	0.69	1	2.22	0	0

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 - 2026**

Khóa	Lớp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên được xếp loại		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB	
			SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %	SL	Tỉ số %
K13	A	45	45	100	45	100.00		0.00		0.00		0.00
	B	38	38	100	38	100.00		0.00		0.00		0.00
	Cộng K13	83	83	100.00	83	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
K14	A	42	42	100.00	40	95.24	2	4.76		0.00		0.00
	B	43	43	100.00	35	81.40	4	9.30	4	9.30		0.00
	C	37	37	100.00	23	62.16	13	35.14	1	2.70		0.00

	Cộng K14	122	122	100.00	0	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
K15	A	45	45									
	B	48	45									
	C	40	39									
	LT	17	16									
	Cộng K15	150	145	96.66	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00

4.2. *Đổi mới công tác thi, kiểm tra đánh giá*

Công tác thi, kiểm tra đánh giá có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, chuyển dần từ kiểm tra, đánh giá kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phẩm chất người học. Tăng cường đánh giá quá trình. Chú trọng đổi mới công tác ra đề và chấm thi. Nhà trường đã cho xây dựng ngân hàng đề, 2/3 số học phần trong chương trình đào tạo ngành GDMN của Trường đều được thi theo hình thức thực hành hoặc vấn đáp.

4.3. *Tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo*

Tiếp tục Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chương trình đào tạo, Chương trình bồi dưỡng theo hướng hiện đại, cập nhật, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; sát với Luật Giáo dục 2019 và đổi mới giáo dục nhằm tới mục tiêu “*Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tỉnh Bắc Ninh và khu vực*”. Thực hiện đào tạo theo hướng chuẩn hóa, gắn với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Đánh giá ngoài Chương trình GDMN. Nhà trường đã tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình khung và chương trình chi tiết 36 học phần của Chương trình đào tạo GDMN năm 2025 theo hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt chú trọng phát triển năng lực số cho sinh viên ngành GDMN.

4.4. *Công tác chỉ đạo thực hành sư phạm, thực tế GD Mầm non, thực tập sư phạm*

- Thực hiện Quyết định 174/QĐ – CĐSPBN ngày 04/9/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hành, TTSP cấp tỉnh năm học 2025 – 2026; Quyết định số 24/QĐ-CĐSPBN ngày 19/01/2026 về việc cử giảng viên đi liên hệ, đi chỉ đạo Thực tập sư phạm, Nhà trường đã có những hướng dẫn về thời điểm và thời lượng tổ chức đi TTSP phù hợp với điều kiện thực tế gắn với việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường Mầm non đảm bảo kế hoạch đào tạo của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh. - Trong thời gian sinh viên các khóa K43, K44, K13, K14 đi thực tập sư phạm, phòng Đào tạo đã chủ động liên hệ với các Phòng Văn hóa - xã hội các phường, xã, Hiệu trưởng các trường Mầm non (nơi sinh viên đăng ký thực tập) để trao đổi tình hình thực tập của sinh viên khi xuống trường, cũng như các nội dung, điều kiện TTSP trong tình hình mới, nắm bắt thực tế của sinh viên, qua đó có biện pháp phối hợp để công tác TTSP đạt hiệu quả cao nhất.

- Năm học 2025 – 2026, Nhà trường tổ chức cho 100% sinh viên chủ động liên hệ thực tập, tự chịu trách nhiệm về nội dung, cách thức thực tập trên cơ sở hướng dẫn của nhà trường.

Qua bảng tổng hợp dưới đây, cho thấy tỉ lệ xếp loại Thực tập sư phạm 2 – năm thứ 3 của các lớp CĐMN K43 như sau: 95.8% đạt Xuất sắc; 4.2% đạt Giỏi, không có SV đạt từ Khá trở xuống. Tỉ lệ xếp loại Thực tập sư phạm 2 – năm thứ 2 của các lớp CĐMN K13 và LT K14 như sau: 99.02% đạt Xuất Sắ; 0.98% đạt Giỏi; không có SV đạt từ Khá trở xuống. Tỉ lệ xếp loại TTSP1 của 05 SV lớp CĐMN LT K14 như sau: 80% SV đạt loại Xuất sắ; 20% SV đạt loại Giỏi; không có SV nào đạt từ loại Khá trở xuống. Tỉ lệ xếp loại TTSP1 – năm thứ 2 của các lớp CĐMN K44 như sau: 97.08% SV đạt loại Xuất sắ; 2.92% SV đạt loại Giỏi; không có SV nào đạt từ loại Khá trở xuống. Tỉ lệ xếp loại TTSP1 – năm thứ 2 của các lớp CĐMN K14 như sau: 89.34% SV đạt loại Xuất sắ; 10.66% SV đạt loại Giỏi; không có SV nào đạt từ loại Khá trở xuống. Như vậy, kết quả về điểm số là rất cao, đa phần SV đều đạt loại giỏi và xuất sắ.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TTSP2 CĐMN CÍNH QUY K43

S T T	Lớp	Tổng SS	Xuất sắ	Giỏi	Khá	Trung bình	Ghi chú
			Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
1	Mầm non 43A	41	39	2	0	0	
2	Mầm non 43B	41	38	3	0	0	
3	Mầm non 43C	39	38	1	0	0	
4	Mầm non 43D	45	43	2	0	0	
5	Mầm non 43E	42	39	3	0	0	
6	Mầm non 43G	38	38		0	0	
7	Mầm non 43H	40	39	1	0	0	
Tổng		286	274	12	0	0	
Tỉ lệ %			95.8%	4.2%	0	0	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TTSP 2 CDMN VLVH K13, K14 LIÊN THÔNG
(LT)**

ST T	Lớp	Tổng SS	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Ghi chú
			Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
1	Mầm non 13A	45	44	1	0	0	
2	Mầm non 13B	38	38	0	0	0	
3	Mầm non LT14	19	19	0	0	0	
Tổng		102	101	1	0	0	
Tỉ lệ %			99.02%	0.98%	0.0	0.0	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TTSP1 CDMN CHÍNH QUY K44

STT	Lớp	Tổng SS	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Ghi chú
			Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
1	Mầm non 44A	41	39	2	0	0	
2	Mầm non 44B	35	31	4	0	0	
3	Mầm non 44C	40	40		0	0	
4	Mầm non 44D	40	38	2	0	0	
5	Mầm non 44E	39	39	0	0	0	
6	Mầm non 44G	37	37	0	0	0	
7	Mầm non 44H	42	42	0	0	0	
Tổng		274	266	8	0	0	
Tỉ lệ %			97.08 %	2.92%			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TTSP1 CDMN VL VH LIÊN THÔNG K14

STT	Lớp	Tổng SS	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Ghi chú
			Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
1	Mầm non LT K14	05	04	01	0	0	
Tổng		05	04	01	0	0	
Tỉ lệ %			80%	20%	0.0	0.0	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TTSP1 CDMN K14

STT	Lớp	Tổng SS	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Ghi chú
			Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
1	CDMN K14A	42	38	4	0	0	
2	CDMN K14B	43	38	5	0	0	
3	CDMN K14C	37	33	4	0	0	
Tổng		122	109	13	0	0	
Tỉ lệ %			89.34%	10.66%			

5. Đổi mới công tác quản lý HSSV của các Phòng, Ban, Khoa và đội ngũ GVCN/CVHT.

Đưa hoạt động tự quản, đảm bảo giữ gìn CSVC và vệ sinh lớp học vào nền nếp. Quản lý việc sử dụng cơ sở vật chất; các thiết bị dạy học, điều hòa hiệu quả. Đảm bảo an toàn, an ninh trường học đặc biệt là phòng chống các đợt bão lớn trong năm như bão Yagi, Matmo,....

Trường thực hiện đẩy mạnh công tác tự quản, tự chịu trách nhiệm của sinh viên. Xây dựng chương trình hành động, cơ chế phối hợp giữa Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong công tác giáo dục sinh viên. Chỉ đạo thực hiện các phong trào của sinh viên như phong trào Sinh viên 5 tốt, phong trào Sinh viên tình nguyện.

Thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TU, ngày 29/8/2022 của Tỉnh ủy, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết 123-NQ/ĐU, ngày 29/12/2022 về “Xây dựng phát triển văn hóa, con người đối với sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh giai đoạn 2022-2030 đảm bảo phát triển bền vững”. Đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nắm bắt tình hình tư tưởng của sinh viên. Kịp thời phát hiện các vấn đề nảy sinh và kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết. Định kỳ tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo trường với sinh viên. Nhiều hoạt động có ý nghĩa đã được tổ chức: Lễ mít tinh, lễ kỷ niệm các ngày truyền thống của Đoàn, Hội (Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, Ngày truyền thống HSSV 9/1), các buổi học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tọa đàm, tìm hiểu và tri ân nhân kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Trường đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Tỉnh Đoàn - Tỉnh hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên Công an tỉnh, Hội Cựu Chiến binh và Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Ninh, Trung tâm Văn hóa, thông tin Tỉnh tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng nghiệp vụ công tác Đoàn - Hội, các chương trình tập huấn lái xe an toàn và và

tuyên truyền chấp hành an toàn giao thông, phòng chống ma túy học đường, các buổi nói chuyện giao lưu với nhân vật lịch sử, chiếu phim tuyên truyền kỷ niệm 70 năm giải phóng Điện Biên Phủ. Kết quả: Sinh viên nhà trường yên tâm học tập, phấn đấu. Các em tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Các em có ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống để trở thành nhà giáo tương lai

6. Công tác nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) được triển khai thực hiện theo hướng thực chất, đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với điều kiện đội ngũ, tài chính của Nhà trường. Đơn vị chủ trì công tác tham mưu NCKH có kế hoạch chỉ đạo tổng thể, dài hạn cho nhiệm vụ trong tâm, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục và điều kiện của Nhà trường trong tình hình mới. Chỉ đạo trọng tâm hướng nghiên cứu trong các lĩnh vực phục vụ nhiệm vụ cấp bách của GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh và Trường CĐSP Bắc Ninh, trước hết là các lĩnh vực về khoa học giáo dục, quản lý giáo dục, thực hiện Chương trình GDMN và phổ thông 2018.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường có 44 giảng viên có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và 01 giảng viên có tài liệu học tập đã được công nhận; Có 50 bài viết đã đăng trên Website Trường; 620 buổi seminar chuyên môn và đề tài về đổi mới sáng tạo; 30 bài viết đăng Tạp chí khoa học Trung ương, bài báo khu vực và địa phương, 01 bài Hội thảo khoa học quốc tế; 02 bài hội thảo quốc gia, 17 sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở đạt khá trở lên; toàn trường có 765 sản phẩm đổi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập.

7. Hoạt động ứng dụng CNTT

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành; chuyển tiếp Văn bản, giao nhiệm vụ qua hộp thư nội bộ Trường.

- Xây dựng các nội dung trang website Trường theo hướng: cập nhật, đổi mới, khoa học, hấp dẫn, thiết thực. Các hoạt động của Nhà trường, các đoàn thể, các khoa, đặc biệt là hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên, gương mặt tiêu biểu cần được quảng bá thường xuyên và kịp thời. Thực hiện mỗi tuần có ít nhất 3 bài viết mới.

- Thực hiện quy định về xây dựng nội dung trang website của mỗi đơn vị; thực hiện tổng hợp và đánh giá định kỳ hàng tháng.

8. Công tác kiểm định và đánh giá ngoài

Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách theo QĐ số 301/QĐ - CĐSPBN ngày 31/7/2024, Số 328/CĐSPBN ngày 05/8/2024

- Tổ chức mời chuyên gia tập huấn cho Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách và các thành phần liên quan về công tác báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

- Tập huấn tự đánh giá Trường giai đoạn 2019-2024 theo CV số 537/CV-CĐSPBN ngày 02/8/2024 về tập huấn tự đánh giá trường giai đoạn 2019-2024

- Hợp đồng Tập huấn kỹ năng tự đánh giá để KĐCL cơ sở giáo dục Trường CĐSP Bắc Ninh, Hợp đồng số 03/HĐTH2024-CĐSP.BẮC NINH ngày 26/7/2024 với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục

Trong năm 2025, Nhà trường đã tiếp tục triển khai kiểm định đánh giá ngoài, cụ thể:

- Nhà trường đã ban hành Quyết định số 213/QĐ-CĐSP ngày 20/6/2025 về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu “Kiểm định chất lượng cho Trường CĐSP Bắc Ninh giai đoạn 2019 – 2024”

- Nhà trường ban hành Kế hoạch làm việc với Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài theo chương trình khảo sát sơ bộ (theo Kế hoạch số 63/KH-CĐSPBN ngày 02/8/2025).

- Nhà trường triển khai đồng bộ dữ liệu, hồ sơ, minh chứng, báo cáo đánh giá ngoài giai đoạn 2019 – 2024.

- Kết quả:

Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh (Theo Quyết định số 152/QĐ-KĐCLGD ngày 03/11/2025 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội Các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam).

9. Công tác tài chính

Thực hiện Nghị định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Nhà trường đã chỉ đạo việc điều hành ngân sách đúng quy định. Những chủ trương lớn về thực hiện quyền tự chủ và điều hành ngân sách đều được thông qua Đảng ủy. Việc điều hành ngân sách được thực hiện đúng luật, công khai, minh bạch tạo điều kiện cho các hoạt động dạy và học, chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, giảng viên. Công tác quản lý nguồn thu, lập kế hoạch và sử dụng nguồn kinh phí của Trường đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và quy định của Nhà nước. Hằng năm, hoạt động tài chính của Trường được báo cáo quyết toán một cách chính xác, đầy đủ, đúng thời hạn. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước mới ban hành và thực tiễn nguồn lực tài chính của Trường, đảm bảo ngân sách chi cho các hoạt động.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Bắc Ninh (B/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT; ĐT; HC-QT; TC-TT,ĐBCL; QLKH-KH,TV

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hữu Tuyên